TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 11/2023/HNGĐ-PT
Ngày 28-6-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường và Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLPT-HNGĐ ngày 08/5/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 10/3/2023 của Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1975. Có mặt.
Địa chỉ: KDC Đ, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương.
2. **Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1974. Có mặt.
Địa chỉ: KDC M, phường Th, thành phố C, tỉnh Hải Dương.
3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1974. Địa chỉ: KDC M, phường Th, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Th vào ngày 12/9/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, gay gắt nhất là anh M đã cắt điện nước và đuổi 2 mẹ con ra khỏi nhà. Chị và anh M đã sống ly thân khoảng 5 năm nay không còn liên lạc và liên quan đến nhau nữa. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề

nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Anh M xác định vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nên cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị V và anh M có 01 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 26/01/2014, hiện đang ở cùng anh M. Do điều kiện chị đang nuôi một người con riêng, nhà ở không ổn định phải đi thuê nên khi vợ chồng ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên. Anh M trình bày cháu L bị bệnh Down, sức khỏe rất yếu, một mình anh chăm sóc cháu từ nhỏ đến nay. Anh cũng phải nuôi một người con riêng, chưa có công ăn việc làm, mặt khác chị V phải có trách nhiệm với con nên anh đề nghị Tòa án giao con chung cho V nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị V và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Nguyễn Văn M. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 26/01/2014 cho anh M được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/ tháng, thời gian kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền thăm nom con chung, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/3/2023, anh Nguyễn Văn M kháng cáo bản án về phần nuôi con. Lý do kháng cáo: Công việc của anh thường xuyên phải tăng ca, thu nhập bấp bênh, anh còn có con riêng và mẹ già. Mặt khác chị V là giáo viên thu nhập ổn định, cháu L bị bệnh chậm phát triển cần sự chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng của người mẹ nên đề nghị Tòa án giao con chung cho chị V nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh xác định thỉnh thoảng phải đi làm vào ban đêm nên việc nuôi con khó khăn. Do vậy, để chị V nuôi con sẽ thuận lợi hơn, anh sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Chị V không nhất trí nội dung kháng cáo. Hiện nay chị chưa có chỗ ở ổn định, còn phải đi thuê nhà, con riêng của chị thường xuyên chơi bời nên chị không có điều kiện quản lý, nuôi dưỡng cả hai người con. Do vậy, giao con chung cho anh M nuôi dưỡng là phù hợp, chị tự nguyện cấp dưỡng cho con số tiền 2.500.000đ/tháng, kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung có khả năng

lao động, tự nuôi sống bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương, Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí phúc thẩm dân sự (HNGĐ) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn M kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo, HĐXX xét thấy: Vợ chồng chị V và anh M có 01 con chung Nguyễn Bảo L, sinh ngày 26/01/2014. Cháu L là trẻ thuộc trường hợp đặc biệt được chẩn đoán chậm phát triển tâm thần trung bình/Tăng động. Trong khi đó chị V và anh M không thống nhất được người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Về điều kiện nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị V làm giáo viên dạy tiếng Anh với thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng, còn anh M làm công nhân tại Công ty cổ phần GT,MT&ĐT C với thu nhập 7.411.475 đồng/tháng. Với tính chất đặc trưng của từng công việc, hàng ngày anh chị đều phải đi làm để lo cho cuộc sống. Trước khi kết hôn, anh chị đã từng xây dựng gia đình và hiện mỗi người đều đang chăm sóc, nuôi dưỡng một người con riêng. Bên cạnh đó anh chị đều chưa tạo lập được chỗ ở riêng, chị V hiện đang thuê nhà còn anh M chung sống cùng với mẹ. Như vậy, cả hai anh chị đều có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Qua xác M tại Trung tâm nơi cháu Nguyễn Bảo L học tập thể hiện anh M là người trực tiếp nộp học phí, thường xuyên đưa đón, sát sao quan tâm đến cháu L. Anh chị cùng xác định cháu L bị triệu chứng Down nhẹ, trí tuệ chậm phát triển nhưng vẫn có khả năng vận động, tực túc được sinh hoạt của mình. Anh M kháng cáo đề nghị giao con cho chị V nuôi dưỡng với lý do công việc phải tăng ca, phải nuôi dưỡng con riêng và mẹ già, nhưng trên thực tế kể từ thời điểm vợ chồng ly thân đến nay cháu L được anh M chăm sóc đầy đủ. Để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung chưa thành niên, cấp sơ thẩm giao cho anh M trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V cấp dưỡng cho con với số tiền 2.500.000đ/tháng, tính từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung có khả năng lao động. Từ phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn M. HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương về phần nuôi con chung.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (về Hôn nhân và gia đình) theo quy định tại Điều 148 của BLTTDS, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn M. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương về phần nuôi con chung.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 26/01/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2023 cho đến khi con chung có khả năng lao động.

Không ai được cản trở chị Nguyễn Thị V thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003739 ngày 23/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Hải Dương.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *TAND và Chi cục T.H.A DS thành phố C; tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường Th, tp C, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch)*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án,*

Lưu Tòa GĐ&NCTN, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân